TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/DS-ST.
Ngày: 29.9.2017.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền và bà Bạc Thị Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2017/TLST-HN&GĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**: Lê Hồng T**; sinh năm: 1986; nơi cư trú tại: Bản R, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Buôn bán nhỏ, (có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Tưởng Duy T**; sinh năm: 1985; nơi cư trú tại: Bản R, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Buôn bán nhỏ, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/4/2017 và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Ngày 12/3/2016 chị Lê Hồng T và anh Tưởng Duy T có thỏa thuận cho anh T vay số tiền là 7.000.000đ; sau đó anh T tiếp tục vay 2.500.000đ và hẹn trả nợ vào ngày 22/3/2016; thỏa thuận nếu sai hẹn tính lãi 50.000đ/ngày/tổng số nợ gốc. Đã nhiều lần chị Thư đến gặp anh T yêu cầu trả nợ nhưng anh T không trả đến nay chị T có yêu cầu buộc anh Tưởng Duy T phải trả cho chị nợ gốc là 9.500.000đ cộng lãi tính từ ngày 23/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải anh Tưởng Duy T là bị đơn trình bày: Vào năm 2016, anh T có vay của chị Lê Hồng T một số tiền và lấy hàng bánh kẹo của chị T. Khi vay số tiền và lấy hàng của chị T chị đã lấy lãi suất cao nên yêu cầu anh ký vào giấy nợ mà chị T đã cung cấp. Đến nay anh không nhất trí nợ gốc là 9.500.000đ và lãi suất như chị T yêu cầu. Anh T cho rằng, thực tế anh T chỉ vay của chị Thư tổng cộng là 4.700.000đ. Hơn nữa, trong thời gian vay nợ chị T, anh T đã trả nợ cho chị T là 2.000.000đ nhưng không có ký nhận trả nợ với nhau. Đến nay anh Tưởng Duy T đồng ý trả tiền cho chị Lê Hồng T số nợ gốc là 3.000.000đ và chia thành hai đợt trả nợ cụ thể: Đợt 1 trả 1.000.000đ sẽ trả luôn cho chị T vào ngày 28/8/2017; đợt 2 trả 2.000.000đ tính từ ngày 28/8/2017 đến ngày 30/10/2017. Với điều kiện hoàn cảnh khó khăn, anh T đề nghị chị T không tính lãi suất đối với khoản vay. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành công bố tài liệu chứng cứ tại phiên hòa giải các bên nhất trí với các chứng cứ đã cung cấp. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện T đã hòa giải cho các đương sự thỏa thuận, nhưng Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lê Hồng T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Tưởng Duy T trả số tiền nợ gốc và lãi suất tính từ ngày 23/3/2016 đến ngày 29/9/2017 là 18 tháng 06 ngày tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố. Tại phiên tòa anh Tưởng Duy T không có mặt tại phiên tòa cũng không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; Điều 35 BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn Tưởng Duy T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục mở phiên tòa theo quy định tại Điều 227; Điều 228 BLTTDS.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì các bên đều thống nhất có việc vay tài sản giữa chị Lê Hồng T và anh Tưởng Duy T, được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 12/3/2016 (*BL02*). Tại ngày 28/8/2017 anh Tưởng Duy T đã thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền là của anh trực tiếp ký nhận vay tiền của chị T. Qua đó, Hội đồng xét xử xác định có việc thỏa thuận vay nợ giữa các đương sự.

[3] Qua trình bày của chị Lê Hồng T và anh Tưởng Duy T Hội đồng xét xử xét thấy: Đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh chỉ vay nợ của chị T 4.700.000đ và quá trình vay anh T đã trả

2.000.000đ; còn chị T không chấp nhận như lời trình bày của anh T. Bởi vậy, không có sơ sở để chấp nhận ý kiến của anh Tưởng Duy T.

[4] Qua xem xét yêu cầu và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số: 2868/QĐNHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Lê Hồng T; buộc bị đơn là anh Tưởng Duy T phải trả cho chị T số tiền nợ gốc theo giấy vay nợ ngày 12/3/2016 cụ thể như sau: Nợ gốc: 7.000.000đ + 2.500.000đ = 9.500.000đ; lãi suất theo yêu cầu của chị Lê Hồng T theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm giải quyết từ ngày 23/3/2016 đến ngày 29/9/2017 là 9.500.000đ x 18 tháng 06 ngày x 0,75% /tháng = 1.296.800đ, tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là: 10.796.800đ (*Mười triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*).

[5] Cần căn cứ vào Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền là: 10.796.800đ × 5% = 539.800đ (*Năm trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 BLDS năm 2005 và Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Quyết định số: 2868/QĐ NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T.

2. Buộc anh Tưởng Duy T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Hồng T số tiền gốc còn nợ lại là: 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) cộng tiền lãi tính từ thời điểm ngày 23.3.2016 cho đến ngày xét xử 29.9.2017 là: 9.500.000đ x 18 tháng 06 ngày x 0,75% /tháng = 1.296.800đ. Tổng số tiền gốc và lãi suất anh Tưởng Duy T phải trả cho chị Lê Hồng T là: 10.796.800đ (*Mười triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. **Án phí**: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn anh Tưởng Duy T phải chịu

án phí giá ngạch đối với phần yêu cầu của chị Lê Hồng T được chấp nhận với số tiền là: 539.800đ (*năm trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng*). Anh Tưởng D Thành nộp án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

Trả lại số tiền chị Lê Hồng T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch theo biên lai thu tiền số: AA/2010/05397 ngày 30.5.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo số tiền là: 275.000đ (*Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn không có lý do. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2017); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :
- PKTNV và THA;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- THADS huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thị Nga